TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2026/HS-ST Ngày 29-01-2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Mai Hương;

Ông Bùi Văn Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Chu Văn N, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1962 tại xã L, tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị P; có vợ là Hoàng Thị T và 05 con (con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật, đã bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 10/3/2007 với số tiền 500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã được xoá vi phạm; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn N: Bà Bạch Ánh Tuyết – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn* - Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị H, Phó Trưởng phòng Kinh tế xã Đ, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định số: 274/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn về việc uỷ quyền tham gia tố tụng vụ án hình sự); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Chu Văn A, sinh năm 1983, cư trú tại: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Ma Văn L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2025 (tức tháng 12 năm 2024 âm lịch), bị cáo Chu Văn N đang chăn bò cùng ông Ma Văn L ở cạnh đường Quốc lộ 4B, gần khu đồi K thuộc thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn thì gặp 02 (hai) nam thanh niên người địa phương khác, không quen biết, không rõ tên tuổi, địa chỉ, đang đi bộ đi tìm việc làm. Do bị cáo Chu Văn N có ý định chặt phá khu rừng tự nhiên ở thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn từ trước để trồng cây keo phát triển kinh tế nhưng không xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên bị cáo đã đặt vấn đề thuê 02 (hai) thanh niên này phát rừng. Bị cáo Chu Văn N đưa 01 (một) nam thanh niên lên khu rừng tại lô 10, 11, khoảnh 7, tiểu khu 472 thuộc thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn để chỉ vị trí. Sau đó, bị cáo Chu Văn N xuống chân đồi thỏa thuận việc chặt phá toàn bộ phần diện tích trên với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), 02 (hai) người thanh niên này đồng ý. Việc thoả thuận chỉ trao đổi bằng lời nói, không lập văn bản gì. Tiếp đó, bị cáo Chu Văn N đưa 02 (hai) nam thanh niên đến lán của bị cáo ở cạnh suối, dưới chân đồi rừng C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn để 02 (hai) nam thanh niên này ăn, ngủ, nghỉ, sinh hoạt. Bị cáo Chu Văn N hỏi họ là có 02 người thì bao giờ chặt phá rừng xong thì họ đáp nhóm họ có 04 (bốn) người, 02 (hai) người chưa đến. Tối đó, khi bị cáo Chu Văn N mang gạo, thức ăn đến lán thì thấy có thêm 02 (hai) nam thanh niên nữa, không biết họ tên, địa chỉ. Những ngày tiếp theo, 04 (bốn) người này tự chuẩn bị dao phát, máy cưa, xăng lên vị trí khu vực đồi mà bị cáo Chu Văn N đã chỉ để tiến hành chặt phá, phát trắng đồi theo thoả thuận. 04 (bốn) thanh niên này dùng dao phát để chặt, phát các cây gỗ bé, cây bụi, dùng 01 (một) máy cưa xăng để cắt các cây gỗ to. Khoảng 06 (sáu) ngày thì những người thanh niên này hoàn thành việc chặt phá khu đồi rừng C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian những người thanh niên này chặt phá rừng thì bị cáo Chu Văn N thường xuyên đi chăn bò qua khu vực này giám sát việc chặt phá rừng. Sau khi những người thanh niên nói trên chặt phá rừng xong thì bị cáo Chu Văn N kiểm tra thấy toàn bộ cây gỗ to đã bị chặt, cắt hạ xuống mặt đất, toàn bộ khu vực bị cáo Chu Văn N chỉ vị trí đã được phát trắng thì bị cáo xuống lán, thanh toán 8.000.000đồng (tám triệu đồng) tiền mặt cho 04 (bốn) nam thanh niên này. Sau khi nhận tiền xong, 04 (bốn) nam thanh niên đi đâu, làm gì thì bị cáo Chu Văn N không biết, cũng không có số điện thoại để liên lạc. Bị cáo Chu Văn N để nguyên hiện trạng rừng chặt phá, chưa thực hiện việc đốt, dọn thực bì.

Ngày 17/01/2025, Hạt kiểm lâm huyện Đ (nay là Hạt kiểm lâm khu vực Đ) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra đã phát hiện và lập biên bản vụ việc chặt phá rừng tại thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả kiểm tra, xác định hiện trường xác định: Tổng diện tích rừng bị chặt, phát trắng là **13.783m^2** (1,3783 ha), tại các lô 10, 11 thuộc khoảnh 17, tiểu khu 472 (bản đồ hiện trạng rừng xã Đ năm 2024) thuộc thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tại thời điểm khám

nghiệm, rừng đã bị chặt phá, cắt hạ toàn bộ cây thân gỗ, cây tái sinh, cây bụi, chủ yếu là sau sau, thành ngạnh và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường. Tổng số cây thân gỗ đo đếm được tại hiện trường là **230 cây**, có đường kính gốc chặt từ 10cm-55cm, chiều dài từ 02m-9,4m, tổng khối lượng đo đếm được là **37,986m^3**.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 06-2025/KL/GĐCN ngày 05/5/2025 do giám định viên Triệu Lương Hòa kết luận: Tổng diện tích bị chặt, phát trắng tại các lô 10, 11 thuộc khoảnh 17, tiểu khu 472 (bản đồ hiện trạng rừng xã Đ năm 2024) là 13.783 m^2 (1,3783ha). Loại rừng, trạng thái rừng: Diện tích rừng bị chặt phá tại các lô 10, 11 khoảnh 7, tiểu khu 472, Bản đồ hiện trạng rừng năm 2024 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã Đ theo Quyết định sô 687/QĐ-UBND ngày 24/04/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt rà soát, điêu chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, thì toàn bộ vị trí rừng bị phát thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng trồng (ký hiệu RTG). Thực tế giám định tại hiện trường trạng thái **rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất** (ký hiệu TXK). Khối lượng gỗ, loài cây: Khối lượng gỗ bị chặt phá trên diện tích 13.783m^2 là 37,986m^3, tương đương với trữ lượng trung bình là 27,56m/ha. Loài cây chủ yếu là sau sau, thành ngạnh và các loài cây thuộc nhóm gỗ thông thường. Căn cứ theo Phụ lục I, thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triên nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2018/TT-BNNP TNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng) thì trạng thái trên thuộc rừng nghèo kiệt (10<M<50; trữ lượng rừng nhỏ hơn 50m/ha) thì toàn bộ diện tích trên là **rừng tự nhiên nghèo kiệt**.

Kết quả cung cấp thông tin về thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ theo Công văn số 59/CNVPĐKĐĐ ngày 26/5/2025 xác định: Vị trí bị chặt phá thuộc một phần thửa đất 106, tờ bản đồ lâm nghiệp số 02, xã Đ chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào; thửa đất hiện nay trên đo đạc quy chủ tên Chu Văn A (con trai bị cáo Chu Văn N).

Tại Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tài sản có đủ thông tin là 17,861m^3 gỗ gồm 70 cây gỗ gồm sau sau, kháo, thành ngạnh và nhội có giá trị 16.775.000đồng (mười sáu triệu bẩy trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng). Tài sản không đủ thông tin 20,125m^2 gỗ gồm 160 cây gỗ vả, dẻ và gỗ thông thường không xác định được chủng loại, không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá. Đối với giá trị thiệt hại về môi trường không có các thông tin làm căn cứ định giá đê xác định giá trị thiệt hại về môi trường do hành vi Chu Văn N gây ra, không đủ các điều kiện cần thiết để tiên hành định giá.

Vê quá trình thu, tạm giữ và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, xác minh ban đầu, Hạt kiểm lâm khu vực Đ đã bàn giao số gỗ bị chặt hạ cho Uỷ ban

nhân dân xã Đ quản lý theo quy định. Hiện số gỗ đã khô, bị mục nát, không còn giá trị sử dụng.

Về vấn đề dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Chu Văn N đã tự nguyện bồi thường số tiền 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKSKV5 ngày 14 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân khu vực 5- Lạng Sơn truy tố bị cáo Chu Văn N về tội "Huỷ hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Chu Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Người làm chứng ông Ma Văn L trình bày: Khoảng tháng 12/2024 (âm lịch) có được trông thấy bị cáo Chu Văn N thuê người chặt phá rừng, khoảng 01 (một) tuần sau thì khu rừng tự nhiên mà bị cáo Chu Văn N thuê người chặt đã bị chặt phá, phát trắng.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn A trình bày ông là con trai của bị cáo Chu Văn N, tuy có tên quy chủ khu rừng tự nhiên mà bị cáo Chu Văn N chặt phá nhưng ông không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế cũng không quản lý, sử dụng, không biết về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Chu Văn N phạm tội Huỷ hoại rừng. Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 05 (năm) năm. Đề nghị: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại của bị cáo cho nguyên đơn dân sự với số tiền là 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Về xử lý vật chứng: Không xem xét áp dụng. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản luận cứ, người bào chữa cho bị cáo Chu Văn N nhất trí với nội dung bản cáo trạng về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh của bị cáo đã cao tuổi, sức khoẻ kém, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bào chữa của bị cáo

nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng mặt và có bản luận cứ gửi cho Hội đồng xét xử, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Chu Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng đầu tháng 01 năm 2025, bị cáo Chu Văn N không có quyền quản lý, sử dụng đất, không xin phép cơ quan chức năng đã tự thuê 04 (bốn) người chặt phá khu rừng tự nhiên tại lô 10, 11 khoảnh 07, tiêu khu 472 thuộc thôn C, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn với diện tích có cây rừng bị chặt phá là **13.783m^2** (1,3783ha), khối lượng gỗ bị chặt phá là 37,986m^3 trị giá 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp "*Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân bao gồm: Rừng tự nhiên..",* khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp về Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng là: "*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*" ; khoản 1 Điều 9 Luật Lâm nghiệp "*Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp: 1. Chặt phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật*". Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn truy tố bị cáo Chu Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi Huỷ hoại rừng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi của bản thân. Hành vi Huỷ hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về rừng, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái rừng tự nhiên được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Chu Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện

bồi thường toàn bộ số tiền 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bẩy trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) cho UBND xã Đ. Ngoài ra, bị cáo từng tham gia dân công hoả tuyến, là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã cao tuổi và đang điều trị các bệnh viêm ruột, viêm khớp, tăng huyết áp, thoái hoá đa khớp, suy mòn. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về nhân thân: Trước lần phạm tội này, bị cáo chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật, từng bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 10/3/2007 với số tiền 500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã được xoá vi phạm.

[6] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều cấm của pháp luật; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật khác trong thời gian tại ngoại; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã nơi đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh, bị cáo không có công việc cũng như thu nhập ổn định hay tài sản riêng do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn với tổng số tiền là 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bẩy trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000575 ngày 16/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với dao phát và máy cưa xăng là công cụ phạm tội, do người thanh niên được thuê mang theo đi đâu không rõ nên cơ quan điều tra không thu giữ được, vì vậy không có căn cứ để xử lý. Trong quá trình điều tra, xác minh ban đầu, Hạt kiểm lâm khu vực Đ đã bàn giao số gỗ bị chặt hạ cho Uỷ ban nhân dân xã Đ quản lý theo quy định. Hiện số gỗ đã khô, bị mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với nhóm người làm thuê cho bị cáo Chu Văn N do không rõ về nhân thân lai lịch, sau khi thực hiện hành vi chặt phá rừng đã đi nơi khác làm thuê, không rõ đi đâu, làm gì nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn, đề nghị tại luận cứ của người bào chữa là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo, người đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 291, Điều 292, Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn N phạm tội Huỷ hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Văn N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án (29/01/2026). Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bị cáo và nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng sơn về việc bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 16.775.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000575 ngày 16/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn.

4. Về án phí: Bị cáo Chu Văn N được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang